

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN “THINK-TANK” Ở VIỆT NAM

**Trần Ngọc Ca<sup>1</sup>**

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

---

### **Tóm tắt:**

*Bài báo đã nêu ra một số khái niệm cơ bản về Think-Tank, kinh nghiệm của các Think Tank quốc tế. Bài báo cũng đã phân tích bước đầu hoạt động của các Think-Tank Việt Nam và đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Think-Tank ở Việt Nam.*

**Từ khóa:** Think-Tank; Tổ chức nghiên cứu chính sách; Tư vấn chính sách; Mạng lưới Think-Tank.

**Mã số:** 18040301

### **1. Phát triển “Think-Tank”: một số kinh nghiệm quốc tế**

#### **1.1. Khái niệm “Think-Tank”**

“Think-Tank” là các tổ chức nghiên cứu phân tích liên quan đến chính sách, tạo ra các nghiên cứu định hướng chính sách, các phân tích và tư vấn về các vấn đề trong nước và quốc tế, qua đó, tạo điều kiện cho các nhà hoạch định chính sách và công chúng nói chung đưa ra được quyết định về chính sách công. Các “Think-Tank” có thể hoặc là các tổ chức gắn với một tổ chức khác nào đó, hoặc độc lập như một thực thể thường trực, chứ không phải là một hình thức có thời hạn nhất định (ad-hoc). Các “Think-Tank” hoạt động như một cầu nối giữa giới học thuật và cộng đồng hoạch định chính sách và giữa nhà nước và khu vực xã hội dân sự, phục vụ cho lợi ích chung của xã hội như là một quan điểm độc lập nhằm chuyển các kết quả nghiên cứu cơ bản và ứng dụng thành một tiếng nói dễ hiểu, đáng tin cậy và có thể tiếp cận với các nhà hoạch định chính sách và công chúng.

Tùy thuộc vào nơi và môi trường làm việc cũng như sở hữu của Think-Tank mà các tổ chức này có thể được phân chia thành một số loại hình chủ yếu như sau:

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: tranngocca@gmail.com

**Bảng 1.** Phân loại các tổ chức “Think-Tank”

TT	Loại hình	Đặc tính cơ bản
1	Độc lập và tự chủ	Có sự độc lập đáng kể với bất kỳ nhóm lợi ích hay nhà tài trợ nào và tự chủ trong hoạt động và nguồn kinh phí của chính phủ.
2	Bán độc lập	Tự chủ so với chính phủ nhưng bị kiểm soát bởi một nhóm lợi ích, một nhà tài trợ hoặc cơ quan nào cung cấp phần lớn nguồn kinh phí hoạt động và qua đó duy trì được ảnh hưởng với tổ chức này.
3	Gắn với chính phủ	Là một phần trong cấu trúc của cơ quan chính phủ.
4	Không hoàn toàn của chính phủ	Do chính phủ tài trợ hoàn toàn qua các hợp đồng và ngân quỹ nhưng không là một bộ phận trong cơ cấu của cơ quan chính phủ.
5	Gắn với đại học	Là một trung tâm nghiên cứu chính sách của một trường đại học.
6	Gắn với đảng chính trị	Chính thức gắn với một đảng phái chính trị.
7	Thuộc doanh nghiệp (vì mục đích lợi nhuận)	Một tổ chức nghiên cứu chính sách công vì mục đích lợi nhuận, gắn với một công ty/doanh nghiệp hoặc thuần túy hoạt động trên cơ sở vì kiếm lời.

*Nguồn: University of Pennsylvania (2015)*

Mặc dù có sự phân chia như vậy, nhưng việc phân chia này cũng chỉ mang tính chất tương đối do trong thực tế, nhiều tổ chức có thể vừa có tính chất này, vừa có tính chất kia. Ví dụ, một tổ chức loại 2 cũng khá giống với tổ chức loại 7, đều do một nhà tài trợ (có thể là doanh nghiệp hay không) kiểm soát thông qua việc tài trợ của mình cho hoạt động vì lợi nhuận.

Một điểm cần lưu ý là gần đây đã xuất hiện khái niệm “Do-Tank” đối lập với “Think-Tank” theo nghĩa là “Think-Tank” là tổ chức chủ yếu đưa ra các lý luận, quan điểm mang nhiều tính lý thuyết và dừng lại ở tư vấn, còn “Do-Tank” là tổ chức không dừng lại ở việc tư vấn mà là thực thi luôn những vấn đề đã được tư vấn cho người khác. Một ví dụ là, Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, WEF) sau khi đưa ra khái niệm Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (I4.0), đã lập ngay một Trung tâm về I4.0 tại Hoa Kỳ để triển khai những ý tưởng về I4.0 trong thực tế (Chenye, 2017). Hoặc như Kraft (1979) đã tự nhận xét về Viện Nghiên cứu MRI (Hoa Kỳ) là một Do-Tank, không phải Think-Tank do tính chất hướng vào hành động hơn là ý tưởng.

## 1.2. Khái quát chung về các “Think-Tank” quốc tế

Đã có khá nhiều nghiên cứu về các “Think-Tank” quốc tế, nhưng một trong những nghiên cứu đáng kể nhất là Báo cáo về “Think-Tank” quốc tế do nhóm nghiên cứu về Think-Tank của Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ thực hiện (*University of Pennsylvania, 2017*). Nhóm này đã tổ chức đánh giá hàng năm về các Think-Tank, phân loại và phân tích hoạt động của các Think-Tank quốc tế. Các tiêu chí phân loại Think-Tank có thể là theo khu vực địa lý, hoặc theo lĩnh vực mà các Think-Tank này hoạt động như kinh tế, xã hội, an ninh-đối ngoại, chính trị, hoặc KH&CN.

Có thể đưa ra một số ví dụ về các Think-Tank đáng chú ý như sau. Về mặt khu vực địa lý, ở Đông Nam Á, các Think-Tank được xếp hạng phân loại có khoảng 100 tổ chức, trong đó top mười là:

**Bảng 2.** Mười “Think-Tank” đứng đầu khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương

TT	Tên	Quốc gia/ Nền kinh tế
1	Viện Quốc phòng và Nghiên cứu Chiến lược (IDSS)	Singapore
2	Viện các Vấn đề Quốc tế của Úc (AIIA)	Úc
3	Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược (CSS)	New Zealand
4	Trung tâm Nghiên cứu Chính sách công (CPPS)	Malaysia
5	Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS)	Indonesia
6	Viện Lowy về Chính sách Quốc tế	Úc
7	Quỹ Đài Loan về Dân chủ (TFD)	Đài Loan
8	Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc phòng (SDSC)	Úc
9	Viện Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (ISIS)	Malaysia
10	Trung tâm Nghiên cứu độc lập (CIS)	Úc

*Nguồn: University of Pennsylvania (2017)*

Trong danh sách của khoảng 100 tổ chức này, Việt Nam chỉ có một số tổ chức được liệt kê, đó là: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới (IWEP), đứng thứ 30; Học viện Ngoại giao Việt Nam (DAV), đứng thứ 40; Viện Kinh tế Việt Nam (VIE), đứng thứ 42; Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR), đứng thứ 56; Viện Nghiên cứu châu Mỹ, đứng thứ 97. Có thể danh sách này chưa hoàn hảo ở một số tiêu chí (như sự thiên về các vấn đề an ninh-chính trị-đối ngoại), đây cũng là những phân loại đáng tham khảo.

Một ví dụ khác là các tổ chức Think-Tank chuyên về KH&CN. Theo danh sách này, trong số 69 tổ chức được xếp hạng, 10 tổ chức đứng đầu gồm:

**Bảng 3.** Danh sách 10 “Think-Tank” hàng đầu toàn cầu về KH&CN

TT	Tên	Quốc gia/ Nền kinh tế	Ghi chú
1	Quỹ Công nghệ thông tin và Đổi mới (ITIF)	Hoa Kỳ	
2	Viện Max Planck	Đức	
3	Đơn vị Nghiên cứu Chính sách khoa học (SPRU)	Vương quốc Anh	
4	Viện Công nghệ tương lai (IFENG)	Nhật Bản	
5	Công ty RAND	Hoa Kỳ	
6	Viện Chính sách Khoa học và Công nghệ (STEPI)	Hàn Quốc	
7	Viện Nghiên cứu Cơ bản (IBR)	Hoa Kỳ	
8	Viện Nghiên cứu cao cấp Neaman về khoa học và công nghệ (SNI)	Israel	
9	Liên minh về Khoa học, Chính sách và Kết quả (CSPO)	Hoa Kỳ	
10	Mạng lưới Nghiên cứu Chính sách công nghệ châu Phi (ATPS)	Kenya	Là tổ chức quốc tế đặt tại Kenya, được nước ngoài như IDRC (Canada) tài trợ

*Nguồn: University of Pennsylvania (2017)*

Trong danh sách của 69 tổ chức này, chưa thấy xuất hiện các tổ chức của Việt Nam. Tương tự như danh sách ở trên, việc phân chia, xếp loại của các tổ chức về KH&CN hoàn toàn mang tính tương đối theo tiêu chí của tổ chức phân loại (cũng giống như những câu chuyện về xếp loại các đại học). Việc thiếu vắng một tổ chức này hay một tổ chức khác, nhiều khi chỉ đơn thuần là tổ chức phân loại không có đủ thông tin về một nước cụ thể hoặc một tổ chức cụ thể nào đó. Do việc hình thành danh mục được xếp hạng dựa vào giới thiệu của cộng đồng, có thể việc một tổ chức rất mạnh nhưng vẫn không nằm trong danh mục được giới thiệu do sự thiếu thông tin của những người giới thiệu. Tuy nhiên, danh sách này có tác dụng cung cấp thông tin tham khảo và phát hiện xu thế khá hữu ích.

### **1.3. Một số đặc điểm liên quan**

Qua việc nghiên cứu một số Think-Tank quốc tế, có thể thấy nổi lên một vài đặc điểm như sau:

Sự đông đảo các Think-Tank của các nước phát triển, đặc biệt là Hoa Kỳ và Vương quốc Anh, với nguồn lực tài chính và trí tuệ dồi dào, liên kết khá nhiều với các trường đại học hàng đầu thế giới hoặc doanh nghiệp lớn. Khu vực thủ đô của Hoa Kỳ, Washington D.C, có thể được gọi là thánh địa của các Think-Tank với hàng dãy phố liên tục có các trụ sở của những Think-Tank hàng đầu thế giới như Viện Brookings, CSIS, Quỹ Nghiên cứu Pew, Viện Nghiên cứu Kinh tế Peterson,...

Mặc dù các Think-Tank có thể có những hướng chuyên môn hóa sâu, có thể thấy sự thống trị của các tổ chức Think-Tank trong các lĩnh vực về chính trị, an ninh, quốc phòng, đối ngoại (dù là ở khu vực các nước phát triển Âu-Mỹ hay các nước đang phát triển châu Á-Thái Bình Dương). Các Think-Tank này thường có thể đóng vai trò là tổ chức vận động hành lang cho các quyết sách chính trị cho khách hàng của mình. Bên cạnh lĩnh vực này, các Think-Tank có thể chuyên môn hóa sâu vào một số lĩnh vực khác nhau như kinh tế, giáo dục, KH&CN, môi trường,...

Trong các vấn đề gọi là công nghệ, dường như các nước phát triển thường hay đồng nhất với các vấn đề của công nghệ cao, CNTT-truyền thông thay vì cho các công nghệ nói chung phù hợp với nhu cầu của các nước đang phát triển.

Các Think-Tank có độ tương đối độc lập khá cao, kể cả khi nhận tài trợ cũng vẫn giữ được một mức độ độc lập tương đối trong các hoạt động nghiên cứu và tư vấn của mình. Tuy nhiên, không loại trừ một số trường hợp các Think-Tank thể hiện rõ quan điểm của tổ chức mẹ hoặc nhà tài trợ (dù theo một cách khéo léo hoặc lộ liễu). Ví dụ, ở Hoa Kỳ, Quỹ Heritage được coi là tiếng nói của phe Cộng hòa.

Cho dù độc lập hay không, các Think-Tank nhìn chung thể hiện sự chuyên nghiệp cao, tính nghiêm túc trong các nghiên cứu và tư vấn của mình và sẵn sàng giải trình, đối thoại về những kết quả nghiên cứu và tư vấn của mình, khi có những vấn đề nảy sinh.

## **2. Phát triển “Think-Tank” ở Việt Nam**

### **2.1. Các “Think-Tank” nhà nước**

Cho đến nay, có thể nói ở Việt Nam đã tồn tại khá nhiều tổ chức có chức năng nghiên cứu chính sách, phân tích và đưa ra các báo cáo, kết quả tư

vấn. Mặc dù các Think-Tank không chỉ là các tổ chức nghiên cứu chính sách của Nhà nước, có thể nói, do đặc thù hoạt động của xã hội Việt Nam, một bộ phận quan trọng nhất của các Think-Tank trong một thời gian dài trước hết là các viện nghiên cứu chính sách-chiến lược thuộc các bộ/ngành của Nhà nước. Kể từ khi ra đời trong các thời điểm khác nhau, sau nhiều năm hoạt động, các tổ chức này phát triển mạnh mẽ từ những năm 1980. Cho đến nay, hầu như Bộ ngành nào cũng có ít nhất một tổ chức nghiên cứu chính sách-chiến lược của mình dù là với các tên gọi có thể khác nhau như Viện Chiến lược và Chính sách A hay Viện Chiến lược B,... Các tổ chức này chủ yếu nhận ngân sách nhà nước từ bộ ngành chủ quản để tổ chức phục vụ trước hết cho nhu cầu của Bộ như xây dựng chính sách, chiến lược, các văn bản pháp quy,... Bên cạnh đó, các tổ chức này có thể nhận kinh phí từ các tài trợ của tổ chức quốc tế để thực hiện các nghiên cứu học thuật có liên quan. Các tổ chức này đã có thời kỳ xây dựng một mạng lưới các viện nghiên cứu về chiến lược và chính sách. Cuối năm 2005, một sáng kiến thành lập thiết lập mạng lưới các tổ chức nghiên cứu chính sách và chiến lược đã được đưa ra bởi ba viện nghiên cứu nòng cốt là Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN (thuộc Bộ KH&CN) và Viện Chính sách, Chiến lược Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Có hơn 10 viện nghiên cứu chính sách và chiến lược của Nhà nước cùng phối hợp nhằm chia sẻ kết quả nghiên cứu, chia sẻ nguồn lực, trao đổi thông tin, cán bộ,... và tổ chức các hoạt động nghiên cứu và đào tạo chung:

- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM);
- Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN (NISTPASS);
- Viện Chiến lược và Chính sách Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (IPSARD);
- Viện Chiến lược và Chính sách Công nghiệp (IPSI);
- Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và CNTT (NIPTS);
- Viện Chiến lược phát triển (DSI);
- Viện Chiến lược và Chính sách Y tế (HSPI);
- Viện Nghiên cứu Lao động và các Vấn đề xã hội (ILSSA);
- Viện Nghiên cứu Khoa học Tổ chức Nhà nước (ISOS);
- Viện Chiến lược và Chính sách Tài nguyên môi trường (ISPONRE).

Tuy nhiên, sau một thời gian hoạt động lỏng lẻo, mạng lưới này hầu như dừng lại ở các quan hệ hợp tác cá nhân của các cán bộ nghiên cứu.

Hiện nay, có khoảng trên 100 viện nghiên cứu hoạt động tại Việt Nam và hầu hết các viện này đều trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc cơ quan trực thuộc Chính phủ. Gần 1/2 số viện nghiên cứu trên trực thuộc hai Viện hàn lâm quốc gia và trực thuộc chính phủ: Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (VASS) và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam (VAST). VASS có gần 30 viện nghiên cứu trực thuộc và thực hiện các nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, bao gồm các lĩnh vực từ nghệ thuật tới kinh tế. Một trong các chức năng chủ yếu của các viện trực thuộc VASS là thực hiện các nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của khoa học xã hội nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng đường lối, chiến lược, kế hoạch và chính sách. VAST có hơn 20 viện nghiên cứu và một số phân viện nghiên cứu các lĩnh vực của khoa học tự nhiên. Hoạt động liên quan tới xây dựng chính sách công của các viện trực thuộc VAST bao gồm: cung cấp cơ sở khoa học về điều kiện tài nguyên thiên nhiên để xây dựng các quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của quốc gia và địa phương; tham gia xây dựng chiến lược và chính sách phát triển KH&CN, giáo dục và đào tạo; thẩm định nội dung kỹ thuật của các dự án quốc gia.

Căn cứ vào mức độ tham gia xây dựng chính sách, có thể phân các viện nghiên cứu chính sách mang chức năng tư vấn cho chính sách thành 4 loại: (i) các viện nghiên cứu định hướng chính sách (chủ yếu là các viện thuộc bộ), trực tiếp đưa ra các chính sách cụ thể của các ngành, lĩnh vực; (ii) các viện nghiên cứu những vấn đề khoa học xã hội cơ bản (chủ yếu là các viện trực thuộc VASS), nghiên cứu luận cứ khoa học về xã hội-nhân văn cho việc ra các quyết sách và một phần nào trực tiếp soạn thảo các văn kiện chính sách; (iii) các viện nghiên cứu khoa học tự nhiên (chủ yếu là các viện trực thuộc VAST) đưa ra luận cứ khoa học cho định hướng chính sách; và (iv) các viện nghiên cứu ứng dụng thực hiện các nghiên cứu về công nghệ và đóng góp nội dung kỹ thuật của chính sách, ví dụ như những kết quả nghiên cứu công nghệ về khía cạnh môi trường, đóng góp cho việc ra các quyết sách về môi trường.

Số lượng các viện này đã tăng mạnh mẽ trong những năm 90 với gần 30 tổ chức mới được thành lập, trong đó, chủ yếu là các viện nghiên cứu trực thuộc bộ và tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng chính sách. Sự tăng trưởng này phản ánh thực tế là trong bối cảnh cải cách kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều bộ có nhu cầu thành lập các viện nghiên cứu thực

hiện các nghiên cứu mang tính chiến lược, dài hạn, trung hạn cho bộ. Những hoạt động này khó có thể thực hiện ở các vụ quản lý.

Căn cứ vào các văn bản quy định chức năng của từng viện nghiên cứu, có thể thấy các chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của các loại viện này bao gồm:

- Soạn thảo tài liệu về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển;
- Soạn thảo các văn bản pháp lý;
- Thực hiện các dự án và đề tài nghiên cứu khoa học;
- Thẩm định các dự án;
- Xây dựng các chuẩn mực hoặc quy trình kỹ thuật của ngành;
- Thu thập, xử lý và cung cấp thông tin;
- Đào tạo cán bộ và đào tạo sau đại học;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn;
- Trực tiếp thực hiện hợp tác quan hệ quốc tế;
- Quản lý các hoạt động khoa học của bộ.

Nguồn tài chính của các viện bao gồm nguồn từ ngân sách và ngoài ngân sách nhà nước. Nguồn từ ngân sách nhà nước gồm các khoản được ghi rõ trong ngân sách hàng năm của Trung ương, của tỉnh và kinh phí cho các dự án phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, bộ và quốc gia. Nguồn tài chính ngoài ngân sách gồm: tài trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài, vốn tự có của tổ chức hoặc cá nhân, tín dụng ngân hàng và các khoản chi cho hoạt động khoa học trong khuôn khổ các dự án phát triển kinh tế-xã hội không thuộc nguồn vốn ngân sách.

Trước năm 1990, các nguồn tài chính chủ yếu từ ngân sách nhà nước và tài trợ của các tổ chức nước ngoài. Gần đây, với sự mở rộng của phát triển kinh tế tư nhân và hội nhập quốc tế, các tổ chức này có thể nhận các tài trợ của doanh nghiệp, các quỹ để thực hiện các nghiên cứu tư vấn. Mặc dù có các nguồn lực mới khác nhau, nhưng nhìn chung các viện này chủ yếu vẫn nhận kinh phí từ ngân sách và làm những nhiệm vụ được Nhà nước giao. Về nhân lực, cơ cấu lao động của các tổ chức này có trình độ tương đối cao (tiến sỹ, thạc sỹ và đại học). Bên cạnh các tổ chức chuyên nghiên cứu chính sách của các Bộ/ngành, các tổ chức nghiên cứu (với các tên gọi khác nhau như viện, trung tâm) thuộc các viện hàn lâm, một số trường đại học cũng đã



có đóng góp mạnh mẽ vào quá trình nghiên cứu làm luận cứ để tư vấn cho chính sách (theo đúng nghĩa của Think-Tank theo quan niệm về lý luận chung về Think-Tank quốc tế) hoặc trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và hoạch định chính sách cụ thể, một chức năng mà các Think-Tank quốc tế ít thực hiện hơn.

## **2.2. Sự xuất hiện của các Think-Tank ngoài Nhà nước**

Trong những năm gần đây, một số các tổ chức ngoài Nhà nước (hoàn toàn không nhận kinh phí của Nhà nước trong giai đoạn khởi sự ban đầu, trừ những hợp đồng nghiên cứu) và bán-Nhà nước (hoạt động tương đối độc lập nhưng vẫn nhận một số hỗ trợ ban đầu của Nhà nước như cơ sở vật chất, nhân lực) đã được thành lập với các chức năng nghiên cứu chính sách, tư vấn như những Think-Tank tương đối độc lập.

Một số ví dụ điển hình là Viện Chính sách và Quản lý - IPAM (gắn với Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, thuộc Đại học quốc gia Hà Nội), Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (nay mới đổi là Viện) - VEPR cũng gắn với Đại học Quốc gia Hà Nội, hay Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Phát triển - DEPOCEN là một tổ chức tư vấn hoàn toàn độc lập, hoạt động như công ty tư vấn. Ngoài ra, có rất nhiều các tổ chức tư vấn trong các lĩnh vực ngành nghề khác nhau, đăng ký hoạt động dưới mũ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) với hơn 400 tổ chức, hoặc như thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), hoặc tại một số địa phương. Có những tổ chức hoạt động khá sôi động trong một thời gian rồi ngừng hoạt động như Viện Nghiên cứu Phát triển (IDS). Qua hoạt động của các tổ chức này, có thể thấy một số điểm sơ bộ như sau:

Nhiều tổ chức đã có những kết quả hoạt động đáng kể, đóng góp tốt trong việc tư vấn chính sách trong các lĩnh vực của mình. Các tổ chức ngoài Nhà nước đã bước đầu có những đóng góp tích cực cho vấn đề nghiên cứu chính sách. Ví dụ: IPAM đã có những đóng góp cho Bộ KH&CN, Quốc hội, các Ban của Đảng; VEPR đóng góp cho các Ban của Đảng, Chính phủ, thậm chí được mời là thành viên của Tổ tư vấn của Thủ tướng Chính phủ.

Các tổ chức quốc tế cũng đã biết đến các tổ chức này, mời tham gia nhiều dự án và trở thành đối tác thường xuyên như Liên Hợp quốc, các tổ chức tài trợ phát triển của các Đại sứ quán (như VEPR, DEPOCEN) hoặc các Quỹ của các đảng phái chính trị quốc tế (như IPAM).

Văn hóa về các tổ chức Think-Tank ngoài Nhà nước đã phát triển, bước đầu được coi trọng và đang trở thành một thành tố quan trọng, đóng góp vào

quá trình dân chủ hóa của đời sống chính trị-xã hội của đất nước. Tuy vậy, ngoài một vài tổ chức nổi lên, vẫn tồn tại nhiều tổ chức hoạt động chưa có tính chuyên nghiệp, thiếu năng lực và nguồn lực đủ để có thể thực hiện chức năng của một Think-Tank. Nhiều Think-Tank hoạt động chủ yếu dựa trên uy tín và năng lực cá nhân của một vài người đứng đầu như linh hồn của tổ chức, chưa có chiến lược dài hạn đào tạo, xây dựng năng lực của cả một tổ chức để có thể phát triển một cách bền vững hơn.

### **2.3. Một số nhận xét chung về phát triển Think-Tank ở Việt Nam**

Có thể nói, những điểm còn tồn tại đã nêu ở trên không chỉ là của riêng các Think-Tank ngoài Nhà nước mà cũng có thể gắn với một số các tổ chức Think-Tank của khu vực Nhà nước. Để một Think-Tank có thể hoạt động với hiệu quả cao, cần có một môi trường hoạt động phù hợp với những thiết chế luật pháp về công tác tư vấn, phản biện xã hội rõ ràng, minh bạch và thông thoáng hay có tác giả (*Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2018*) còn gọi là môi trường tự do cho nghiên cứu khoa học xã hội. Bên cạnh đó, đối với các Think-Tank Nhà nước là sự hỗ trợ của Nhà nước về nguồn lực, cả về kinh phí, thông tin, cũng như các điều kiện khác.

Trong bối cảnh như đã phân tích, nhu cầu đào tạo về nguồn nhân lực và nâng cao năng lực của các Think-Tank là vô cùng cấp bách. Hoạt động đào tạo có thể bao gồm các năng lực thiết kế và phân tích chính sách; năng lực nghiên cứu chính sách và năng lực của cả cấp trung ương và năng lực địa phương, của các tổ chức trong và ngoài Nhà nước. Bên cạnh đó, việc thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế sẽ rất hữu ích cho quá trình nâng cao năng lực, uy tín, và hiệu quả hoạt động của các Think-Tank ở Việt Nam.

Một điểm cũng cần được nêu ra là việc xếp hạng các Think-Tank của Việt Nam trong bức tranh chung các Think-Tank quốc tế. Như đã thấy ở trên, thứ hạng này còn rất hạn chế. Chủ yếu thông tin mà tổ chức xếp hạng biết đến là các tổ chức liên quan đến đối ngoại. Trong số một vài tổ chức Việt Nam được xếp hạng trong các Think-Tank khu vực Đông Nam Á lại thiếu vắng rất nhiều các tổ chức mạnh của Việt Nam như Viện Quản lý Kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược Phát triển, Viện Chiến lược và Chính sách Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoặc Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN, là những tổ chức đã thiết lập được vị trí vững chắc trong khu vực và quốc tế với nhiều kết quả nghiên cứu, ấn phẩm có giá trị đóng góp cả về lý luận và thực tiễn. Một phần lý do của hiện trạng này là vì chất lượng nghiên cứu của các Think-Tank Việt Nam, nhưng cũng một phần do tổ chức xếp hạng rất thiếu thông tin về các Think-Tank của Việt Nam. Chủ

yếu các mối quan hệ cá nhân của người giới thiệu xếp hạng là nguồn thông tin khá quan trọng để tổ chức xếp hạng biết đến và đưa các Think-Tank Việt Nam vào xem xét. Qua đây có thể thấy, việc xếp hạng này một mặt có tính chất tham khảo, một mặt cũng là chỉ báo gợi suy cho các Think-Tank Việt Nam có các biện pháp quảng bá hoạt động của mình thông qua các ấn phẩm có chất lượng và xuất hiện quốc tế mạnh hơn.

Những điều kiện nói trên sẽ đóng góp tích cực cho hoạt động của Think-Tank Việt Nam trong chức năng làm cầu nối giữa nghiên cứu hàn lâm với hoạch định và thực thi chính sách, góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội của đất nước./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Đặng Kim Sơn, 2005. "Mối liên kết và hợp tác quốc tế giữa các tổ chức nghiên cứu và đào tạo chính sách công tại Việt Nam". *Nghiên cứu và đào tạo chính sách công tại Việt Nam*. Hashimoto, Hell & Nam. ADBI. Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Cung, Bùi Văn, Phạm Hoàng Hà, 2005. "Các tổ chức nghiên cứu chính sách công tại Việt Nam và hoạt động của các tổ chức này". *Nghiên cứu và đào tạo chính sách công tại Việt Nam*. Hashimoto, Hell & Nam. ADBI. Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2018. "Think tank: mô hình tư vấn chính sách hiệu quả và chuyên nghiệp". *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*. Số 2 (707).

### Tiếng Anh:

4. Kraft, Scott, 1979. "Washington Dateline," *The Associated Press*, November 18.
5. Đặng Phong & Beresford, M., 1998. *Authority relations and economic decision-making in Vietnam. An historical perspective*. NIAS. Copenhagen.
6. University of Pennsylvania, 2015. *Global Go to Think Tank Index Report. Philadelphia*.
7. University of Pennsylvania, 2017. *Global Go to Think Tank Index report. Philadelphia*.
8. Cheney, Catherine, 2017. Why the World Economic Forum launched a "do tank" on the technological revolution. Devex World. March 27./ [www.devex.com](http://www.devex.com).